

TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (Luyện tập tổng hợp)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS biết vận dụng những kiến thức về từ vựng đã học để phân tích những hiện tượng ngôn ngữ trong thực tiễn giao tiếp, nhất là trong văn chương.

180

Hoạt động 5

GV hướng dẫn HS đọc đoạn trích ở bài tập 5 (SGK), sau đó xác định xem các sự vật và hiện tượng được đặt tên theo cách nào và tìm năm tên gọi tương tự.

Các sự vật, hiện tượng đó được gọi tên theo cách dùng từ ngữ có sẵn với một nội dung mới dựa vào đặc điểm của sự vật, hiện tượng được gọi tên.

Trong tiếng Việt có rất nhiều trường hợp tương tự. GV có thể chọn năm trong số những tên gọi sau : *cà tím* (cà quả tròn, màu tím hoặc nửa tím nửa trắng), *cá kiếm* (cá cảnh nhiệt đới cỡ nhỏ, đuôi dài và nhọn như cái kiếm), *cá kim* (cá biển có mỏ dài và nhọn như cái kim), *cá kìm* (cá biển có hàm dưới nhô ra, nhỏ và dài như cái kìm), *chè mót câu* (chè búp ngon, cánh sắn, nhỏ và cong như hình cái mót câu), *chim lợn* (cú có tiếng kêu eng éc như lợn), *chuột đồng* (chuột sống ngoài đồng ruộng, ở hang, thường phá hoại mùa màng), *dưa bở* (dưa quả chín màu vàng nhạt, thịt bở, có bột trắng), *gấu chó* (gấu cỡ nhỏ, tai nhỏ, lông ngắn, mặt giống mặt chó), *mực* (động vật ở biển, thân mềm, chân ở đầu và có hình tua, có túi chứa chất lỏng đen như mực), *ớt chỉ thiên* (ớt quả nhỏ, quả chỉ thẳng lên trời), *ong ruồi* (ong mật, nhỏ như ruồi), *xe cút kít* (xe thô sơ có một bánh gỗ và hai càng, do người đẩy, khi chạy thường có tiếng kêu "cút kít"),...

Với bài tập này GV có thể chia lớp thành nhóm và cho các nhóm thi nhau xem nhóm nào tìm ra được nhiều tên gọi đáp ứng đúng yêu cầu của bài tập.

Hoạt động 6

GV hướng dẫn HS phát hiện chi tiết gây cười. Qua chi tiết đó, truyện cười phê phán thói sính dùng từ nước ngoài của một số người.

II – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1

GV hướng dẫn HS so sánh hai dị bản của câu ca dao :

Điểm khác biệt đáng chú ý giữa hai dị bản là *gật đầu* trong dị bản thứ nhất và *gật gù* trong dị bản thứ hai. *Gật đầu* : cúi đầu xuống rồi ngẩng lên ngay, thường để chào hỏi hay *tỏ sự đồng ý*, còn *gật gù* : gật nhẹ và nhiều lần, *biểu thị thái độ đồng tình, tán thưởng*. Như vậy, từ *gật gù* thể hiện thích hợp hơn ý nghĩa cần biểu đạt : tuy món ăn rất đậm bạc nhưng đôi vợ chồng nghèo ăn rất ngon miệng vì họ biết chia sẻ những niềm vui đơn sơ trong cuộc sống.

Hoạt động 2

GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ được nêu ở bài tập 2 (SGK).

Người vợ không hiểu nghĩa của cách nói *chỉ có một chân sút*. Cách nói này có nghĩa là cả đội bóng chỉ có một người giỏi ghi bàn thôi.

Hoạt động 3

GV hướng dẫn HS đọc đoạn thơ ở bài tập 3 (SGK) và xác định trong số những từ đã cho, từ nào được dùng theo nghĩa gốc, từ nào được dùng theo nghĩa chuyển và nếu dùng theo nghĩa chuyển thì chuyển theo phương thức nào : ẩn dụ hay hoán dụ.

Những từ được dùng theo nghĩa gốc : *miệng, chân, tay*. Những từ được dùng theo nghĩa chuyển : *vai* (hoán dụ), *đầu* (ẩn dụ).

Hoạt động 4

GV hướng dẫn HS làm bài tập 4 (SGK) : Vận dụng kiến thức về trường từ vựng để phân tích nét nổi bật của việc dùng từ trong bài thơ.

Các từ (áo) *đỏ*, (cây) *xanh*, (ánh) *hồng* ; *ánh* (hồng), *lửa, cháy, tro* tạo thành hai trường từ vựng : trường từ vựng chỉ màu sắc và trường từ vựng chỉ lửa và những sự vật, hiện tượng có quan hệ liên tưởng với lửa. Các từ thuộc hai trường từ vựng lại có quan hệ chặt chẽ với nhau. Màu áo *đỏ* của cô gái thấp lên trong mắt chàng trai (và bao người khác) ngọn lửa. Ngọn lửa *đó* lan toả trong con người anh làm anh say đắm, ngất ngây (đến mức có thể *cháy thành tro*) và lan ra cả không gian, làm không gian cũng biến sắc (*Cây xanh như cũng ánh theo hồng*).

Nhờ nghệ thuật dùng từ như đã phân tích, bài thơ đã xây dựng được những hình ảnh gây ấn tượng mạnh với người đọc, qua đó thể hiện độc đáo một tình yêu mãnh liệt và cháy bỏng.